

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ
(dành cho sinh viên)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 780/HD-ĐHNLBG ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thực hiện quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 474/ĐT-ĐHNLBG-ĐT ngày 04/8/2020 Ban hành Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với các ngành đào tạo bậc đại học chính quy của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 21/11/2022 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ngữ theo chuẩn đầu ra (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 12/11/2022;

Theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 12/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 58 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ. Trong đó:

- + Tiếng Anh tương đương bậc 2 (A2): 04 thí sinh.
- + Tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1): 39 thí sinh.
- + Tiếng Trung Quốc tương đương bậc 3 (HSK3): 15 thí sinh.

(Có danh sách thí sinh kèm theo)

Điều 2. Trường các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

*(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

1. Danh sách sinh viên đạt chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 2 (A2)

T T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Đọc	Viết	Nghe	Nói	Điểm trung bình	Kết quả
1	TA10	Nguyễn Văn Hiệp	20/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0010NTQ	140	114	131	133	130	A2
2	TA19	Ngô Duy Khải	01/05/2001	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0039KTE	143	102	131	127	126	A2
3	TA32	Nguyễn Thị Kim Phụng	26/11/1997	Bắc Giang	Nữ	D- THUY5A	15DTY0305	153	102	144	140	135	A2
4	TA37	Đặng Văn Thanh	21/05/1996	Bắc Ninh	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0100	140	102	131	140	128	A2

Danh sách gồm 04 thí sinh./.

2. Danh sách sinh viên đạt chứng nhận năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1)

T T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Đọc	Viết	Nghe	Nói	Điểm trung bình	Kết quả
1	TA01	Hoàng Thuận An	29/06/2002	Bắc giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0030KTE	147	130	148	137	140	B1
2	TA02	Khổng Tuấn Anh	22/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0037NTQ	136	123	152	149	140	B1
3	TA03	Trương Như Tuấn Anh	16/11/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0001NTQ	138	142	144	137	140	B1
4	TA04	Lý Hùng Đức	01/10/2001	Lạng Sơn	Nam	D-NNTQ 10A	20D0004NTQ	160	120	140	140	140	B1
5	TA05	Nguyễn Thị Hà	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0005NTQ	147	144	134	144	142	B1
6	TA06	Nguyễn Thị Thanh Hà	17/12/002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0006NTQ	147	150	140	137	143	B1
7	TA07	Thân Ngọc Hải	30/09/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0007NTQ	140	140	134	144	140	B1
8	TA08	Giáp Thị Hạnh	20/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0009NTQ	138	150	131	149	142	B1
9	TA09	Hoàng Minh Hân	29/09/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0008NTQ	134	150	134	140	140	B1
10	TA11	Nguyễn Thị Hoa	17/06/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0477KTO	147	135	134	142	140	B1
11	TA12	Lê Nguyễn Việt Hoàng	06/03/2002	Hà Nam	Nam	D-NNTQ 10A	20D0012NTQ	143	150	131	133	140	B1
12	TA13	Nguyễn Thị Hồng	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0013NTQ	138	142	140	144	141	B1
13	TA14	Trần Thị Huế	06/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0479KTO	143	144	134	147	142	B1
14	TA15	Trần Thị Kim Huệ	06/03/2002	Tuyên Quang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0014NTQ	147	144	131	137	140	B1
15	TA17	Tô Thị Diệu Hương	05/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0482KTO	143	140	134	142	140	B1
16	TA20	Hoàng Văn Lâm	28/06/2002	Tuyên Quang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0018NTQ	147	138	134	140	140	B1
17	TA21	Nguyễn Thị Nhật Lệ	11/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0484KTO	140	142	131	147	140	B1

T T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Đọc	Viết	Nghe	Nói	Điểm trung bình	Kết quả
18	TA22	Bùi Thị Linh	10/09/2002	Phú Thọ	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0019NTQ	150	128	131	151	140	B1
19	TA23	Hoàng Đại Lộc	01/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN10A	20D0487KTO	150	125	148	137	140	B1
20	TA24	Nguyễn Thị Trà My	26/10/1990	Hà Tĩnh	Nữ	D-KETOAN 10A	20D0488KTO	150	135	148	140	143	B1
21	TA25	Chu Thị Nga	05/07/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0020NTQ	147	130	165	142	146	B1
22	TA26	Hồ Bích Ngọc	13/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0021NTQ	150	135	148	140	143	B1
23	TA27	Thân Thị Bích Ngọc	01/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0489KTO	150	130	165	123	142	B1
24	TA28	Ngô Lan Nhâm	14/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0490KTO	153	120	156	144	143	B1
25	TA29	Hà Văn Nhẫn	10/07/1997	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0034NTQ	147	144	165	120	144	B1
26	TA30	Thân Thị Nhị	09/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0022NTQ	147	130	165	149	148	B1
27	TA31	Đỗ Thị Hồng Nhung	21/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0023NTQ	143	130	160	147	145	B1
28	TA33	Tăng Thị Phương	19/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0024NTQ	143	130	148	137	140	B1
29	TA34	Nguyễn Thị Phụng	11/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0025NTQ	143	130	152	133	140	B1
30	TA35	Phạm Anh Quân	06/08/2002	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	22D0044KTE	150	125	160	127	140	B1
31	TA36	Nguyễn Văn Quát	03/10/2000	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	16D0035KTE	150	135	165	116	142	B1
32	TA38	Nguyễn Hữu Thành	28/03/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0026NTQ	150	148	137	151	147	B1
33	TA39	Nguyễn Phương Thảo	04/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0027NTQ	160	150	156	153	155	B1
34	TA40	Nguyễn Văn Thiện	24/05/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0028NTQ	150	128	148	133	140	B1
35	TA41	Nguyễn Thị Thu	20/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0029NTQ	153	144	144	144	146	B1

T T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Đọc	Viết	Nghe	Nói	Điểm trung bình	Kết quả
36	TA42	Nguyễn Thị Thúy	23/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0030NTQ	150	144	148	142	146	B1
37	TA43	Hoàng Xuân Vũ	02/04/2002	Bắc Ninh	Nam	D-KETOAN10A	20D0499KTO	150	133	131	144	140	B1
38	TA44	Đặng Thị Bảo Yến	04/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0033NTQ	150	150	152	153	151	B1
39	TA45	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0032NTQ	153	128	140	144	141	B1

Danh sách gồm 39 thí sinh./.

3. Danh sách sinh viên đạt chứng nhận năng lực Trung Quốc tương đương bậc 3 (HSK 3)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
								NGHE	ĐỌC	VIẾT	TỔNG ĐIỂM	
1	TQ02	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	16/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0472KTO	60	90	70	220	HSK 3
2	TQ03	Đoàn Thị Chuyên	17/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0473KTO	85	83	80	248	HSK 3
3	TQ04	Bế Hồng Đức	27/10/2002	Bắc Giang	Nam	D-KINHTE10A	20D0032KTE	85	93	80	258	HSK 3
4	TQ05	Trần Thu Hà	04/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0475KTO	85	93	90	268	HSK 3
5	TQ06	Nguyễn Minh Hiếu	12/07/2001	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN10A	20D0476KTO	85	93	90	268	HSK 3
6	TQ07	Ngô Thị Huyền	02/10/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0483KTO	83	77	80	240	HSK 3
7	TQ08	Thân Thị Ngọc Huyền	02/09/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0500KTO	80	87	70	237	HSK 3
8	TQ09	Ngô Thị Lan Hương	25/01/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0480KTO	85	77	70	232	HSK 3
9	TQ11	Nguyễn Thị Lan Phương	26/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0491KTO	95	100	100	295	HSK 3
10	TQ12	Nguyễn Văn Tân	15/03/2001	Bắc Ninh	Nam	D-KINHTE10A	16D0038KTE	60	63	70	193	HSK 3
11	TQ14	Nguyễn Thị Thảo	18/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0493KTO	60	87	60	207	HSK 3
12	TQ15	Lê Thị Thu	30/09/2001	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0495KTO	60	83	70	213	HSK 3
13	TQ16	Nguyễn Thị Thúy	23/01/2002	Hải Dương	Nữ	D-KETOAN10A	20D0496KTO	63	87	60	210	HSK 3
14	TQ17	Phạm Ánh Tuyết	09/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0497KTO	60	93	60	213	HSK 3
15	TQ18	Nguyễn Tổ Uyên	30/08/2002	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0498KTO	60	80	60	200	HSK 3

Danh sách gồm 15 thí sinh./.